CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản phẩm		PN 06 bar		PN 08 bar			PN 10 bar		
	DN	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	*mm*	*đồng/mét*		*mm*	*đồng/mét*		*mm*	*đồng/mét*	
1	32							2.0	13,182	14,500
2	40				2.0	16,636	18,300	2.4	20,091	22,100
3	50				2.4	25,818	28,400	3.0	30,818	33,900
4	63				3.0	40,091	44,100	3.8	49,273	54,200
5	75				3.6	57,000	62,700	4.5	70,273	77,300
6	90				4.3	90,000	99,000	5.4	99,727	109,700
7	90*				4.3	83,400	91,740			
8	110	4.2	97,273	107,000	5.3	120,818	132,900	6.6	151,091	166,200
9	125	4.8	125,818	138,400	6.0	156,000	171,600	7.4	190,727	209,800
10	140	5.4	157,909	173,700	6.7	194,273	213,700	8.3	238,091	261,900
11	160	6.2	206,909	227,600	7.7	255,091	280,600	9.5	312,909	344,200
12	180	6.9	258,545	284,400	8.6	321,182	353,300	10.7	393,909	433,300
13	200	7.7	321,091	353,200	9.6	400,091	440,100	11.9	493,636	543,000
14	225	8.6	402,818	443,100	10.8	503,818	554,200	13.4	606,727	667,400
15	250	9.6	499,000	548,900	11.9	614,818	676,300	14.8	751,727	826,900
16	280	10.7	618,818	680,700	13.4	784,273	862,700	16.6	936,636	1,030,300
17	315	12.1	789,091	868,000	15.0	982,455	1,080,700	18.7	1,192,727	1,312,000
18	355	13.6	1,002,273	1,102,500	16.9	1,235,455	1,359,000	21.1	1,515,727	1,667,300
19	400	15.3	1,264,455	1,390,900	19.1	1,584,364	1,742,800	23.7	1,926,000	2,118,600
20	450	17.2	1,615,909	1,777,500	21.5	1,988,727	2,187,600	26.7	2,433,727	2,677,100
21	500	19.1	1,967,909	2,164,700	23.9	2,467,091	2,713,800	29.7	3,026,455	3,329,100
22	560	21.4	2,702,727	2,973,000	26.7	3,332,727	3,666,000	33.2	4,091,818	4,501,000
23	630	24.1	3,424,545	3,767,000	30.0	4,210,909	4,632,000	37.4	5,182,727	5,701,000
24	710	27.2	4,360,000	4,796,000	33.9	5,369,091	5,906,000	42.1	6,586,364	7,245,000
25	800	30.6	5,521,818	6,074,000	38.1	6,805,455	7,486,000	47.4	8,351,818	9,187,000
26	900	34.4	6,983,636	7,682,000	42.9	8,610,909	9,472,000	53.3	10,564,545	11,621,000
27	1000	38.2	8,617,273	9,479,000	47.7	10,639,091	11,703,000	59.3	13,056,364	14,362,000
28	1200	45.9	12,411,818	13,653,000	57.2	15,312,727	16,844,000	67.9	17,985,455	19,784,000

Chú ý *: * - ống cây thẳng.* ***Khuyến cáo: Ống và phụ kiện hàn HDPE cần tương thích về vật liệu (PE100/PE80) và độ dày/áp lực (PN)***

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA HDPE - PE 100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản phẩm		PN 12.5 bar		PN 16 bar			PN 20 bar		
	DN	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán	Dày	Chưa VAT	Thanh toán
	Đk danh nghĩa	mm	đồng/mét		mm	đồng/mét		mm	đồng/mét	
29	20				2.0	7,727	8,500	2.3	9,091	10,000
30	25	2.0	9,818	10,800	2.3	11,727	12,900	3.0	13,727	15,100
31	32	2.4	16,091	17,700	3.0	18,818	20,700	3.6	22,636	24,900
32	40	3.0	24,273	26,700	3.7	29,182	32,100	4.5	34,636	38,100
33	50	3.7	37,091	40,800	4.6	45,273	49,800	5.6	53,545	58,900
34	63	4.7	59,727	65,700	5.8	71,182	78,300	7.1	85,273	93,800
35	75	5.6	84,727	93,200	6.8	101,091	111,200	8.4	120,727	132,800
36	90	6.7	120,545	132,600	8.2	144,727	159,200	10.1	173,273	190,600
37	110	8.1	180,545	198,600	10.0	218,000	239,800	12.3	262,364	288,600
38	125	9.2	232,455	255,700	11.4	282,000	310,200	14.0	336,273	369,900
39	140	10.3	288,364	317,200	12.7	349,636	384,600	15.7	420,545	462,600
40	160	11.8	376,273	413,900	14.6	462,364	508,600	17.9	551,636	606,800
41	180	13.3	479,727	527,700	16.4	581,636	639,800	20.1	697,455	767,200
42	200	14.7	587,818	646,600	18.2	727,727	800,500	22.4	867,727	954,500
43	225	16.6	743,091	817,400	20.5	889,727	978,700	25.2	1,073,182	1,180,500
44	250	18.4	923,909	1,016,300	22.7	1,106,909	1,217,600	27.9	1,324,364	1,456,800
45	280	20.6	1,158,364	1,274,200	25.4	1,387,273	1,526,000	31.3	1,658,818	1,824,700
46	315	23.2	1,448,818	1,593,700	28.6	1,756,000	1,931,600	35.2	2,113,182	2,324,500
47	355	26.1	1,837,545	2,021,300	32.2	2,229,273	2,452,200	39.7	2,680,727	2,948,800
48	400	29.4	2,326,364	2,559,000	36.3	2,841,000	3,125,100	44.7	3,414,182	3,755,600
49	450	33.1	2,941,364	3,235,500	40.9	3,595,909	3,955,500	50.3	4,316,091	4,747,700
50	500	36.8	3,660,545	4,026,600	45.4	4,457,545	4,903,300	55.8	5,338,545	5,872,400
51	560	41.2	4,994,545	5,494,000	50.8	6,032,727	6,636,000			
52	630	46.3	6,312,727	6,944,000	57.2	7,167,273	7,884,000			
53	710	52.2	8,031,818	8,835,000	64.5	9,723,636	10,696,000			
54	800	58.8	8,578,182	9,436,000						
55	900	66.2	12,907,273	14,198,000						
56	1000	72.5	15,720,909	17,293,000						

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Nối thẳng phun		Co phun (Nối góc 90°)		Tê phun (Ba chạc 90°)		Đầu bịt phun		Mặt bích phun	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	Đk danh nghĩa	*bar*	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
1	20	16.0	17,000	18,700	21,091	23,200	21,455	23,600	8,636	9,500		
2	25	16.0	25,545	28,100	24,182	26,600	30,727	33,800	10,000	11,000		
3	32	16.0	33,091	36,400	33,091	36,400	35,636	39,200	17,000	18,700		
4	40	10.0									14,000	15,400
5	40	16.0	49,182	54,100	52,636	57,900	69,545	76,500	29,727	32,700		
6	50	10.0									20,091	22,100
7	50	16.0	63,982	70,380	68,182	75,000	111,455	122,600	42,636	46,900		
8	63	10.0									44,727	49,200
9	63	16.0	84,273	92,700	114,364	125,800	133,636	147,000	63,909	70,300	44,727	49,200
10	75	10.0	134,727	148,200	158,091	173,900	211,818	233,000	96,636	106,300	70,909	78,000
11	75	16.0									70,909	78,000
12	90	10.0	235,364	258,900	268,909	295,800	395,364	434,900	153,364	168,700	106,364	117,000
13	90	16.0									106,364	117,000
14	110	10.0									141,545	155,700
15	110	16.0									141,545	155,700
16	125	10.0									172,727	190,000
17	125	16.0									172,727	190,000
18	140	10.0									220,909	243,000
19	140	16.0									220,909	243,000
20	160	10.0									263,636	290,000
21	160	16.0									263,636	290,000
22	180	10.0									440,818	484,900
23	180	16.0									440,818	484,900

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm DN Đơn vị tính	PN	Nối chuyển bậc phun (Nối giảm phun)		Tê chuyển bậc phun Ba chạc 90° chuyển bậc phun		Đầu nối chuyển bậc phun dán	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
		bar	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
24	25-20	16.0	25,364	27,900	39,091	43,000		
25	32-20	16.0	35,091	38,600	53,091	58,400		
26	32-25	16.0	35,727	39,300	53,727	59,100		
27	40-20	16.0	36,727	40,400	63,636	70,000		
28	40-25	16.0	38,364	42,200	69,909	76,900		
29	40-32	16.0	43,636	48,000	65,273	71,800		
30	50-25	16.0	44,909	49,400	77,455	85,200		
31	50-32	16.0	46,091	50,700	98,727	108,600		
32	50-40	16.0	57,818	63,600	95,636	105,200		
33	63-20	16.0	61,091	67,200				
34	63-25	16.0	72,364	79,600	110,091	121,100		
35	63-32	16.0			111,727	122,900		
36	63-40	16.0	79,909	87,900	116,818	128,500		
37	63-50	16.0	80,909	89,000	118,273	130,100		
38	75-50	10.0	130,909	144,000	233,455	256,800		
39	75-63	10.0	152,727	168,000	211,636	232,800		
40	90-63	10.0	174,909	192,400	377,000	414,700		
41	90-75	10.0	235,636	259,200	405,364	445,900		
42	40-32-25-20	10.0					4,455	4,900
43	90-63-50-32-20	10.0					8,000	8,800
44	90-75-63	10.0					31,545	34,700
45	125-110-90	10.0					83,091	91,400
46	160-140-125	10.0					129,727	142,700
47	200-180-160	10.0					176,818	194,500

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Nối thẳng ren ngoài phun		Nối thẳng ren trong phun		Co ren ngoài phun		Đai khởi thủy phun		Đai khởi thủy ren trong đồng phun	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái	
48	20-1/2"	16.0	12,000	13,200	10,545	11,600	12,545	13,800				
49	20-3/4"	16.0	12,000	13,200			12,545	13,800				
50	25-1/2"	16.0	13,909	15,300	15,273	16,800	14,818	16,300				
51	25-3/4"	16.0	13,909	15,300	14,455	15,900	14,182	15,600				
52	25-1"	16.0	13,909	15,300								
53	32-1/2"	16.0							21,091	23,200		
54	32-3/4"	16.0	16,727	18,400					21,091	23,200		
55	32-1"	16.0	16,909	18,600	22,364	24,600	23,364	25,700				
56	32-1.1/4"	16.0	17,273	19,000								
57	40-1/2"	16.0							31,000	34,100		
58	40-3/4"	16.0							31,000	34,100		
59	40-1.1/2"	16.0	28,455	31,300								
60	40-1.1/4"	16.0	29,636	32,600	57,545	63,300	41,273	45,400				
61	40-1"	16.0	29,636	32,600								
62	40-2"	16.0	32,182	35,400								
63	50-1/2"	16.0							37,818	41,600	46,273	50,900
64	50-3/4"	16.0							37,818	41,600	73,818	81,200
65	50-1"	16.0							37,818	41,600		
66	50-2"	16.0	52,636	57,900								
67	50-1.1/2"	16.0	34,909	38,400	60,909	67,000	59,273	65,200				
68	50-1.1/4"	16.0	51,818	57,000								
69	63-1/2"	16.0							53,727	59,100	72,818	80,100
70	63-1"	16.0							53,727	59,100		
71	63-2"	16.0	61,364	67,500			91,727	100,900				
72	63-1.1/2"	16.0	60,636	66,700								
73	63-2.1/2"	10.0	60,364	66,400								

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm DN ĐK danh nghĩa	PN	Nối thẳng ren ngoài phun		Đai khởi thủy phun		Đai khởi thủy ren trong đồng phun		Lơi phun (Nối góc 45 độ)	
			Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
		bar	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
74	63	16.0							107,455	118,200
75	63-3/4"	16.0			53,727	59,100	87,091	95,800		
76	63-1.1/4"	16.0			57,545	63,300				
77	75-1"	16.0			68,182	75,000				
78	75-1/2"	16.0			68,182	75,000	88,455	97,300		
79	75-2"	10.0	97,273	107,000						
80	75-3/4"	16.0			68,182	75,000				
81	75-1.1/4"	16.0			72,364	79,600				
82	75-1.1/2"	16.0			72,364	79,600				
83	75-2"	16.0			75,273	82,800				
84	75-2.1/2"	10.0	92,182	101,400						
85	90-1"	16.0			81,636	89,800				
86	90-2"	10.0	135,545	149,100						
87	90-2"	16.0			84,545	93,000				
88	90-3"	10.0	149,636	164,600						
89	90-2.1/2"	10.0	139,909	153,900						
90	90-1/2"	16.0			81,636	89,800	134,636	148,100		
91	90-3/4"	16.0			81,636	89,800	136,636	150,300		
92	90-1.1/2"	16.0			81,636	89,800				
93	90-1.1/4"	16.0			84,545	93,000				
94	110-1/2"	16.0			129,273	142,200	173,545	190,900		
95	110-1"	16.0			122,636	134,900				
96	110-2"	16.0			122,636	134,900				
97	110-3/4"	16.0			129,273	142,200	193,182	212,500		
98	110-1.1/2"	16.0			113,818	125,200				
99	110-1.1/4"	16.0			113,818	125,200				

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Co PE100 hàn (Nối góc 90°)		Lơi PE100 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 60°)	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	*bar*	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
100	90	6.0	94,909	104,400	72,545	79,800	149,909	164,900	141,182	155,300	158,727	174,600
101	90	8.0	117,818	129,600	90,091	99,100	179,182	197,100	169,455	186,400	189,818	208,800
102	90	10.0	142,636	156,900	109,091	120,000	215,182	236,700	202,545	222,800	227,364	250,100
103	90	12.5	170,909	188,000	130,909	144,000						
104	90	16.0	204,455	224,900	156,273	171,900						
105	110	6.0	145,545	160,100	111,000	122,100	226,818	249,500	235,636	259,200	255,091	280,600
106	110	8.0	178,636	196,500	136,273	149,900	272,636	299,900	283,364	311,700	306,182	336,800
107	110	10.0	215,636	237,200	164,545	181,000	327,182	359,900	339,818	373,800	367,545	404,300
108	110	12.5	259,000	284,900	197,636	217,400						
109	110	16.0	311,091	342,200	237,091	260,800						
110	125	6.0	190,818	209,900	143,636	158,000	297,000	326,700	338,818	372,700	347,545	382,300
111	125	8.0	231,727	254,900	174,273	191,700	359,273	395,200	409,909	450,900	421,091	463,200
112	125	10.0	282,818	311,100	212,727	234,000	429,364	472,300	491,727	540,900	504,364	554,800
113	125	12.5	342,727	377,000	258,000	283,800						
114	125	16.0	410,909	452,000	309,091	340,000						
115	140	6.0	246,364	271,000	187,455	206,200	377,727	415,500	424,545	467,000	456,182	501,800
116	140	8.0	301,364	331,500	229,273	252,200	454,727	500,200	511,182	562,300	550,636	605,700
117	140	10.0	367,545	404,300	279,909	307,900	547,182	601,900	616,273	677,900	662,091	728,300
118	140	12.5	443,455	487,800	337,364	371,100						
119	140	16.0	533,545	586,900	406,000	446,600						
120	160	6.0	329,091	362,000	248,273	273,100	503,364	553,700	609,455	670,400	652,364	717,600
121	160	8.0	399,636	439,600	301,818	332,000	610,455	671,500	740,000	814,000	792,545	871,800
122	160	10.0	486,364	535,000	367,091	403,800	728,273	801,100	884,091	972,500	946,364	1,041,000
123	160	12.5	591,000	650,100	445,909	490,500						
124	160	16.0	705,909	776,500	532,545	585,800						
125	180	6.0	428,364	471,200	316,909	348,600	652,364	717,600	867,545	954,300	924,455	1,016,900
126	180	8.0	523,818	576,200	387,000	425,700	786,727	865,400	1,046,636	1,151,300	1,115,818	1,227,400
127	180	10.0	642,091	706,300	474,636	522,100	944,455	1,038,900	1,252,091	1,377,300	1,333,909	1,467,300
128	180	12.5	775,000	852,500	573,000	630,300						
129	180	16.0	926,455	1,019,100	684,455	752,900						
130	200	6.0	543,818	598,200	402,636	442,900	816,909	898,600	1,151,818	1,267,000	1,223,818	1,346,200
131	200	8.0	663,545	729,900	491,182	540,300	992,091	1,091,300	1,396,182	1,535,800	1,483,818	1,632,200
132	200	10.0	807,182	887,900	597,818	657,600	1,183,000	1,301,300	1,678,545	1,846,400	1,782,727	1,961,000

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm		Co PE100 hàn (Nối góc 90°)		Lơi PE100 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 60°)	
	DN	PN	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	*bar*	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
133	200	12.5	978,545	1,076,400	724,364	796,800						
134	200	16.0	1,175,636	1,293,200	870,455	957,500						
135	225	6.0	709,818	780,800	512,091	563,300	1,067,091	1,173,800	1,551,000	1,706,100	1,677,091	1,844,800
136	225	8.0	869,909	956,900	628,000	690,800	1,282,273	1,410,500	1,878,182	2,066,000	2,031,000	2,234,100
137	225	10.0	1,059,273	1,165,200	764,273	840,700	1,546,091	1,700,700	2,248,091	2,472,900	2,431,182	2,674,300
138	225	12.5	1,282,727	1,411,000	925,455	1,018,000						
139	225	16.0	1,535,455	1,689,000	1,108,000	1,218,800						
140	250	6.0	1,062,727	1,169,000	816,909	898,600	1,343,636	1,478,000	1,988,182	2,187,000	2,146,909	2,361,600
141	250	8.0	1,309,091	1,440,000	1,006,273	1,106,900	1,625,000	1,787,500	2,402,909	2,643,200	2,595,727	2,855,300
142	250	10.0	1,594,364	1,753,800	1,225,364	1,347,900	1,945,364	2,139,900	2,878,091	3,165,900	3,108,364	3,419,200
143	250	12.5	1,927,818	2,120,600	1,481,364	1,629,500						
144	250	16.0	2,308,455	2,539,300	1,774,000	1,951,400						
145	280	6.0	1,425,909	1,568,500	1,055,455	1,161,000	1,734,091	1,907,500	2,506,182	2,756,800	2,779,273	3,057,200
146	280	8.0	1,741,364	1,915,500	1,288,636	1,417,500	2,095,273	2,304,800	3,029,000	3,331,900	3,358,091	3,693,900
147	280	10.0	2,120,091	2,332,100	1,569,000	1,725,900	2,508,091	2,758,900	3,640,455	4,004,500	4,036,182	4,439,800
148	280	12.5	2,561,636	2,817,800	1,895,636	2,085,200						
149	280	16.0	3,079,091	3,387,000	2,278,818	2,506,700						
150	315	6.0	2,046,545	2,251,200	1,495,000	1,644,500	2,259,818	2,485,800	3,375,636	3,713,200	3,791,364	4,170,500
151	315	8.0	2,521,727	2,773,900	1,842,091	2,026,300	2,729,091	3,002,000	4,072,727	4,480,000	4,574,636	5,032,100
152	315	10.0	3,069,364	3,376,300	2,242,273	2,466,500	3,284,091	3,612,500	4,896,455	5,386,100	5,500,091	6,050,100
153	315	12.5	3,703,727	4,074,100	2,705,273	2,975,800						
154	315	16.0	4,452,909	4,898,200	3,252,455	3,577,700						
155	355	6.0	3,161,909	3,478,100	2,131,273	2,344,400	4,151,545	4,566,700	4,467,000	4,913,700	4,956,818	5,452,500
156	355	8.0	3,899,455	4,289,400	2,628,818	2,891,700	5,015,182	5,516,700	5,393,000	5,932,300	5,984,909	6,583,400
157	355	10.0	4,742,545	5,216,800	3,196,909	3,516,600	6,033,636	6,637,000	6,485,364	7,133,900	7,196,636	7,916,300
158	355	12.5	5,726,000	6,298,600	3,860,000	4,246,000						
159	355	16.0	6,885,545	7,574,100	4,641,364	5,105,500						
160	400	6.0	4,107,273	4,518,000	2,863,000	3,149,300	5,411,455	5,952,600	6,203,000	6,823,300	6,911,364	7,602,500
161	400	8.0	5,039,545	5,543,500	3,513,364	3,864,700	6,554,545	7,210,000	7,486,273	8,234,900	8,342,091	9,176,300
162	400	10.0	6,151,455	6,766,600	4,288,364	4,717,200	7,871,818	8,659,000	9,005,182	9,905,700	10,034,818	11,038,300
163	400	12.5	7,424,909	8,167,400	5,175,818	5,693,400						
164	400	16.0	8,931,636	9,824,800	6,225,909	6,848,500						
165	450	6.0	5,404,636	5,945,100	3,840,545	4,224,600	7,066,636	7,773,300	8,586,455	9,445,100	9,296,273	10,225,900

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT : (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Co PE100 hàn (Nối góc 90°)		Lơi PE100 hàn (Nối góc 45°)		Tê PE100 hàn (Ba chạc 90°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 45°)		Y PE100 hàn (Ba chạc 60°)	
	DN		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
	ĐK danh nghĩa	*bar*	*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
166	450	8.0	6,634,364	7,297,800	4,714,364	5,185,800	8,554,364	9,409,800	10,386,727	11,425,400	11,245,000	12,369,500
167	450	10.0	8,088,000	8,896,800	5,747,364	6,322,100	10,256,273	11,281,900	12,463,545	13,709,900	13,494,636	14,844,100
168	450	12.5	9,783,545	10,761,900	6,952,273	7,647,500						
169	450	16.0	11,740,636	12,914,700	8,342,636	9,176,900						
170	500	6.0	7,603,636	8,364,000	5,653,455	6,218,800	8,977,909	9,875,700	13,782,818	15,161,100	14,436,636	15,880,300
171	500	8.0	8,850,818	9,735,900	6,580,364	7,238,400	10,864,818	11,951,300	16,694,000	18,363,400	17,485,545	19,234,100
172	500	10.0	10,762,091	11,838,300	8,001,364	8,801,500	13,020,455	14,322,500	19,991,636	21,990,800	20,939,000	23,032,900
173	500	12.5	13,035,000	14,338,500	9,691,091	10,660,200						
174	500	16.0	15,609,818	17,170,800	11,605,273	12,765,800						
175	560	6.0	9,920,455	10,912,500	7,237,364	7,961,100	14,299,818	15,729,800	20,689,818	22,758,800	21,803,545	23,983,900
176	560	8.0	12,162,273	13,378,500	8,872,636	9,759,900	17,270,818	18,997,900	24,989,364	27,488,300	26,334,182	28,967,600
177	560	10.0	14,847,455	16,332,200	10,831,182	11,914,300			29,999,636	32,999,600		
178	560	12.5	17,932,545	19,725,800	13,081,727	14,389,900						
179	630	6.0	13,486,182	14,834,800	9,414,182	10,355,600	18,689,364	20,558,300	27,557,364	30,313,100	29,381,909	32,320,100
180	630	8.0	16,594,818	18,254,300	11,583,909	12,742,300	22,532,727	24,786,000	33,225,364	36,547,900	35,425,727	38,968,300
181	630	10.0	20,229,000	22,251,900	14,120,818	15,532,900						
182	630	12.5	24,390,000	26,829,000	17,025,364	18,727,900						
183	710	6.0	19,034,000	20,937,400	12,660,364	13,926,400	25,169,364	27,686,300	39,921,182	43,913,300	42,459,545	46,705,500
184	710	8.0	23,355,000	25,690,500	15,534,182	17,087,600	30,579,545	33,637,500	48,501,818	53,352,000	51,585,818	56,744,400
185	710	10.0	28,364,818	31,201,300	18,866,273	20,752,900						
186	710	12.5	34,461,818	37,908,000	22,921,364	25,213,500						
187	800	6.0	26,181,273	28,799,400	16,538,000	18,191,800	34,494,545	37,944,000	52,909,818	58,200,800	56,720,455	62,392,500
188	800	8.0	32,187,273	35,406,000	20,331,818	22,365,000			64,581,182	71,039,300		
189	800	10.0	39,084,545	42,993,000	24,688,636	27,157,500						
190	900	6.0	37,048,273	40,753,100	23,463,909	25,810,300	48,023,182	52,825,500	73,072,818	80,380,100	78,645,727	86,510,300
191	900	8.0	45,424,455	49,966,900	28,768,818	31,645,700			89,216,636	98,138,300		
192	900	10.0	55,411,364	60,952,500	35,093,909	38,603,300						
193	1000	6.0	50,713,455	55,784,800	32,139,182	35,353,100	65,526,182	72,078,800	101,214,182	111,335,600	108,023,000	118,825,300
194	1000	8.0	62,498,909	68,748,800	39,607,636	43,568,400			121,456,000	133,601,600		
195	1000	10.0	76,784,364	84,462,800	48,660,818	53,526,900						
196	1200	6.0	83,318,545	91,650,400	51,408,455	56,549,300						
197	1200	8.0	97,950,727	107,745,800	60,437,091	66,480,800						

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An II, P. Hoà Phú, TP. TDM, Bình Dương
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE - PE100

Tiêu chuẩn ISO 4427:2007

Hiệu lực từ ngày 14-04-2020 đến khi có thông báo sửa đổi

Chú ý: Mặt bích hàn PE100 và PE80 giá như nhau

STT	Sản Phẩm	PN	Mặt bích hàn (PE100, PE80)		STT	Sản Phẩm	PN	Mặt bích hàn (PE100, PE80)		STT	Sản Phẩm	PN	Mặt bích hàn (PE100, PE80)	
	DN ĐK danh nghĩa	bar	Chưa VAT	Thanh toán		DN ĐK danh nghĩa	bar	Chưa VAT	Thanh toán		DN ĐK danh nghĩa	bar	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái					đồng/cái					đồng/cái	
198	200	10.0	472,727	520,000	227	400	10.0	1,769,000	1,945,900	256	630	8.0	6,772,727	7,450,000
199	200	16.0	472,727	520,000	228	400	12.5	1,987,818	2,186,600	257	630	10.0	8,000,000	8,800,000
200	225	6.0	719,818	791,800	229	400	16.0	2,264,000	2,490,400	258	630	12.5	8,372,727	9,210,000
201	225	8.0	747,727	822,500	230	450	6.0	1,930,636	2,123,700	259	630	16.0	8,590,909	9,450,000
202	225	10.0	777,091	854,800	231	450	8.0	2,191,455	2,410,601	260	710	6.0	11,454,545	12,600,000
203	225	12.5	813,364	894,700	232	450	10.0	2,501,000	2,751,100	261	710	8.0	13,454,545	14,800,000
204	225	16.0	855,364	940,900	233	450	12.5	2,843,636	3,128,000	262	710	10.0	15,272,727	16,800,000
205	250	6.0	746,273	820,900	234	450	16.0	3,278,182	3,606,000	263	710	12.5	16,818,182	18,500,000
206	250	8.0	779,909	857,900	235	450*	6.0	1,930,636	2,123,700	264	710	16.0	19,090,909	21,000,000
207	250	10.0	817,636	899,400	236	450*	8.0	2,191,455	2,410,601	265	800	6.0	16,181,818	17,800,000
208	250	12.5	865,091	951,600	237	450*	10.0	2,501,000	2,751,100	266	800	8.0	16,818,182	18,500,000
209	250	16.0	913,909	1,005,300	238	450*	12.5	2,843,636	3,128,000	267	800	10.0	17,272,727	19,000,000
210	280	6.0	869,364	956,300	239	450*	16.0	3,278,182	3,606,000	268	800	12.5	20,909,091	23,000,000
211	280	8.0	932,818	1,026,100	240	500	6.0	2,188,545	2,407,400	269	800	16.0	22,727,273	25,000,000
212	280	10.0	1,002,364	1,102,600	241	500	8.0	2,534,364	2,787,800	270	900	6.0	20,909,091	23,000,000
213	280	12.5	1,088,182	1,197,000	242	500	10.0	2,913,000	3,204,300	271	900	8.0	22,272,727	24,500,000
214	280	16.0	1,180,273	1,298,300	243	500	12.5	3,347,818	3,682,600	272	900	10.0	23,818,182	26,200,000
215	315	6.0	938,818	1,032,700	244	500	16.0	3,877,545	4,265,300	273	900	12.5	24,636,364	27,100,000
216	315	8.0	1,021,727	1,123,900	245	560	6.0	4,727,273	5,200,000	274	900	16.0	26,818,182	29,500,000
217	315	10.0	1,107,818	1,218,600	246	560	8.0	5,000,000	5,500,000	275	1000	6.0	23,363,636	25,700,000
218	315	12.5	1,210,455	1,331,501	247	560	10.0	5,590,909	6,150,000	276	1000	8.0	23,636,364	26,000,000
219	315	16.0	1,337,455	1,471,201	248	560	12.5	5,800,000	6,380,000	277	1000	10.0	24,727,273	27,200,000
220	355	6.0	1,183,364	1,301,700	249	560	16.0	6,032,727	6,636,000	278	1000	12.5	27,727,273	30,500,000
221	355	8.0	1,367,364	1,504,100	250	560*	6.0	4,727,273	5,200,000	279	1000	16.0	31,818,182	35,000,000
222	355	10.0	1,518,364	1,670,200	251	560*	8.0	5,000,000	5,500,000	280	1200	6.0	28,636,364	31,500,000
223	355	12.5	1,693,455	1,862,801	252	560*	10.0	5,590,909	6,150,000	281	1200	8.0	31,363,636	34,500,000
224	355	16.0	1,907,909	2,098,700	253	560*	12.5	5,800,000	6,380,000	282	1200	10.0	35,000,000	38,500,000
225	400	6.0	1,403,636	1,544,000	254	560*	16.0	6,032,727	6,636,000	283	1200	12.5	36,363,636	40,000,000
226	400	8.0	1,580,273	1,738,300	255	630	6.0	5,569,545	6,126,500	284	1200	16.0	38,636,364	42,500,000